

B TÀI CHÍNH

S : 14/2013/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị quyết 66/2012/N-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 66/2012/N-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết 118/2008/N-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành viên cấu thành Bộ Tài chính;

Theo yêu cầu của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Ban trình Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị quyết 66/2012/N-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị quyết 66/2012/N-CP ngày 06/9/2012 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 66/2012/N-CP).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

ít áp dụng Thông t này là c quan, t ch c, n v (sau ây g i chung là t ch c), cá nhân có hành vi vi ph m các quy nh c a pháp lu t v qu n lý, s d ng tài s n nhà n c quy nh t i i u 2 Ngh nh s 66/2012/N -CP.

i u 3. Xác nh m c ph t t i n c th

1. Khi ph t t i n, m c t i n ph t c th i v i m t hành vi vi ph m hành chính không có tình t t t ng n ng ho c gi m nh là m c trung bình c a khung t i n ph t c quy nh i v i hành vi ó. M c trung bình c a khung t i n ph t c xác nh b ng trung bình gi a m c t i a c a khung hình ph t và m c t i thi u c a khung hình ph t.

2. Tr ng h p có m t tình t t gi m nh ho c t ng n ng thì m c t i n ph t c gi m ho c t ng 20% so v i m c trung bình c a khung t i n ph t c quy nh i v i hành vi ó, song không c th p h n m c t i thi u và không c cao h n m c t i a c a khung hình ph t.

3. Khi xác nh m c ph t t i n i v i hành vi vi ph m v a có tình t t gi m nh , v a có tình t t t ng n ng thì xem xét gi m tr tình t t t ng n ng theo nguyên t c có m t tình t t gi m nh c gi m tr m t tình t t t ng n ng. Sau khi gi m tr , n u còn tình t t gi m nh ho c t ng n ng thì áp d ng theo quy nh t i kho n 2 i u này.

i u 4. Xác nh t i n b i th ng thi t h i do hành vi vi ph m gây ra

V i c xác nh t i n b i th ng thi t h i do hành vi vi ph m gây ra khi áp d ng bi n pháp kh c ph c h u qu quy nh t i i m c kho n 3 i u 6 Ngh nh s 66/2012/N -CP c quy nh c th nh sau:

1. i v i t ch c b x ph t do có hành vi vi ph m quy nh v mua s m tài s n nhà n c quy nh t i i u 8 Ngh nh s 66/2012/N -CP, s t i n b i th ng thi t h i c xác nh t ng ng v i giá tr tài s n mua s m v t tiêu chu n, nh m c quy nh. Giá tr tài s n mua s m v t tiêu chu n, nh m c c quy nh t i kho n 4 i u 6 Thông t này.

2. i v i t ch c b x ph t do có hành vi b trí, s d ng tài s n nhà n c v t tiêu chu n, nh m c quy nh t i i u 10 Ngh nh s 66/2012/N -CP, s t i n b i th ng thi t h i c xác nh t ng ng v i t i n thuê tài s n cùng lo i ho c có tiêu chu n, công n ng s d ng t ng ng trên th tr ng.

3. i v i t ch c b x ph t do có hành vi cho m n tài s n nhà n c không úng quy nh quy nh t i i u 12 Ngh nh s 66/2012/N -CP, s t i n b i th ng thi t h i c xác nh t ng ng v i t i n thuê tài s n cùng lo i ho c có tiêu chu n, công n ng s d ng t ng ng trên th tr ng.

4. i v i t ch c b x ph t do có hành vi l n chi m tr s làm vi c ho c chi m o t trái phép tài s n nhà n c quy nh t i i u 14 và i u 15 Ngh nh s 66/2012/N -CP, s t i n b i th ng thi t h i c xác nh t ng ng v i t i n thuê tài s n cùng lo i ho c có tiêu chu n, công n ng s d ng t ng ng trên th tr ng.

5. i v i t ch c b x ph t do có hành vi vi ph m quy nh v x lý tài s n nhà n c gây th t thoát, h h ng tài s n quy nh t i i u 18 Ngh nh s 66/2012/N -CP, s t i n b i th ng thi t h i c xác nh nh sau:

a) i v i tài s n b m t ho c h h ng không th kh c ph c c, s t i n b i th ng thi t h i c xác nh t ng ng v i giá mua m i tài s n cùng lo i ho c có tiêu chu n, công n ng s d ng t ng ng trên th tr ng;

b) i v i tài s n b h h ng có th kh c ph c c, s t i n b i th ng thi t h i là chi phí s a ch a tài s n ó.

i u 5. Áp d ng bi n pháp kh c ph c h u qu thu h i tài s n nhà n c

1. Khi t i n hành th t c x ph t i v i các hành vi vi ph m mà ph i áp d ng bi n pháp thu h i tài s n nhà n c, ng i có th m quy n x ph t c n c th m quy n thu h i tài s n nhà n c theo quy nh c a pháp lu t v qu n lý, s d ng tài s n nhà n c ra quy t nh thu h i n u thu c th m quy n c a mình; tr ng h p không thu c th m quy n c a mình, ph i báo cáo c quan nhà n c có th m quy n quy t nh thu h i.

Th m quy n thu h i tài s n nhà n c th c hi n theo quy nh c a Lu t qu n lý, s d ng tài s n nhà n c và các v n b n quy nh chi t i t, h ng d n thi hành.

2. H s ngh c quan có th m quy n quy t nh thu h i tài s n nhà n c bao g m:

a) V n b n ngh c a ng i có th m quy n x ph t vi ph m hành chính (trong ó nêu rõ hi n tr ng c a tài s n ngh thu h i; các bi n pháp kh c ph c h u qu ã c áp d ng);

b) B n sao Quy t nh x ph t vi ph m hành chính;

c) Bản sao Biên bản vi phạm hành chính;

d) Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản vi phạm (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản này, các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cùng cấp, cơ quan có thẩm quyền thu hồi có trách nhiệm ra quyết định thu hồi tài sản; trường hợp cơ quan có thẩm quyền thu hồi xét thấy không có căn cứ áp dụng biện pháp thu hồi tài sản thì phải có văn bản thông báo cho người nộp thuế, trong đó nêu rõ lý do không áp dụng biện pháp thu hồi tài sản.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản nhà nước và xử lý tài sản sau thu hồi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương II

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, NỘI

Điều 6. Xử phạt hành vi vi phạm quy định mua sắm tài sản nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định mua sắm tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung quy định như sau:

1. Hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi thực hiện mua sắm không có quyết định của cấp có thẩm quyền. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP xác định theo từng lần mua sắm.

3. Hành vi mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi mua sắm tài sản vượt vĩ độ tính (đối với trục làm việc), vượt số lượng, vượt mức giá (đối với phần nghìn lít, máy móc, trang thiết bị làm việc) so với tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Việc xác định phần giá trị vượt so với tiêu chuẩn, nhằm có làm căn cứ xếp hạng quy định như sau:

a) Trường hợp mua sắm tài sản là phần tín dụng, máy móc, trang thiết bị làm việc vượt số lượng so với tiêu chuẩn, nhằm có: Giá trị vượt xác định bằng số lượng tài sản vượt nhân với giá cả tài sản theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản.

b) Trường hợp mua sắm tài sản là phần tín dụng, máy móc, trang thiết bị làm việc đúng số lượng nhưng vượt mức giá so với tiêu chuẩn, nhằm có: Giá trị vượt xác định bằng giá trị cả tài sản theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản trừ đi giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, nhằm có do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

c) Trường hợp mua sắm trực tiếp làm việc vượt tiêu chuẩn, nhằm có: Giá trị vượt xác định bằng chênh lệch giá trị địa điểm tích trữ (-) địa điểm tích trữ theo tiêu chuẩn, nhằm có nhân với (x) giá mua bình quân theo hóa đơn (hoặc theo hợp đồng mua sắm tài sản).

Điều 7. Xếp hạng hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản

Việc xếp hạng hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản có thể căn cứ theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 66/2012/N-CP. Nội dung quy định như sau:

1. Hành vi thực hiện thuê tài sản khi chưa có quy định hoặc cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 66/2012/N-CP là: Hành vi thuê tài sản khi không có quy định hoặc cấp có thẩm quyền.

Thẩm quyền quy định về thuê tài sản thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Hành vi thuê tài sản vượt tiêu chuẩn, nhằm có quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 66/2012/N-CP là: Hành vi thuê tài sản phục vụ hoạt động cá nhân vượt địa điểm tích trữ (địa điểm làm việc), vượt số lượng (địa điểm tín dụng, máy móc, trang thiết bị làm việc) so với tiêu chuẩn, nhằm có do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Hành vi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản không đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 66/2012/N-CP bao gồm:

a) Hành vi không thông báo công khai nhu cầu thuê tài sản trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và việc hình thành giá trị từ 100 triệu đồng trở lên cho các thị trường thuê;

b) Hành vi không thể hiện ưu đãi khi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê áp dụng và việc các trường hợp theo quy định của pháp luật phi thể hiện ưu đãi.

4. Giá trị hình thành thuê tài sản làm căn cứ xác định bản giá thuê nhân viên (x) thị trường thuê được ghi trên hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng không xác định rõ thị trường thuê thì giá trị hình thành thuê tài sản được xác định bản giá thuê nhân viên (x) sẽ tính tài sản theo thị trường thuê tài sản.

Điểm 8. Xác định hành vi bất trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức

Việc xác định hành vi bất trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức được thể hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Mục tiêu nội dung quy định như sau:

1. Hành vi bất trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi bất trí, sử dụng tài sản nhà nước cho người sử dụng, bộ phận sử dụng ứng dụng công nghệ và vận hành (điều trị sản phẩm làm việc), vận chuyển (điều trị phòng thí nghiệm, máy móc, trang thiết bị làm việc).

2. Việc xác định giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức quy định như sau:

a) Trường hợp bất trí, sử dụng tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc vận chuyển so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng vượt nhân viên (x) nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán; trường hợp trên sổ kế toán không theo dõi nguyên giá tài sản, thì lấy theo giá trị mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ sử dụng tương đương trên thị trường tại thời điểm xảy ra sự kiện;

b) Trường hợp bất trí, sử dụng tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc ứng dụng vận chuyển vận chuyển giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng vượt nhân viên (x) nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán trừ (-) giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp trên sổ kế toán không theo dõi nguyên giá tài sản, thì lấy theo giá trị mua sắm mới tài sản

cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ sản xuất đồng nhất trên thị trường thì miễn giảm;

c) Trường hợp tài sản là tài sản làm việc: Giá trị vật chất xác định bằng chênh lệch giá trị tính thuế trừ (-) giá trị tính thuế sản xuất theo tiêu chuẩn, nhân mức nhân viên (x) giá bình quân theo sổ sách kế toán; trường hợp trên sổ sách kế toán không theo dõi thì giá tính theo suất đầu tư của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật đồng nhất do Bộ Xây dựng ban hành áp dụng thì miễn giảm hành vi vi phạm xây dựng.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đối với việc có hành vi bất trí, sản xuất tài sản nhà ở vi phạm tiêu chuẩn, nhân lực, ngoài bị phạt tiền theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP.

Trường hợp đã áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nêu trên thì miễn giảm khoản 4 điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP thì không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nêu trên miễn giảm khoản 4 điều 10 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP.

Điều 9. Xử phạt hành vi bất trí, sản xuất tài sản nhà ở không đúng mục đích

1. Hành vi bất trí, sản xuất tài sản nhà ở không đúng mục đích quy định tại điều 11 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi bất trí, sản xuất tài sản nhà ở không đúng với mục đích, công nghệ sản xuất của tài sản đầu tư, trang bị, mua sắm. Một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Bất trí, sản xuất tài sản làm việc, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh làm nhà hoặc sản xuất vào mục đích cá nhân;

b) Bất trí, sản xuất xe ô tô không có biển số để làm việc cá nhân hoặc danh không có tiêu chuẩn; bất trí, sản xuất xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh không có tiêu chuẩn sản xuất xe mà không có giấy phép có thẩm quyền phê duyệt; bất trí sản xuất xe ô tô vào mục đích cá nhân;

c) Bất trí, sản xuất máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác vào mục đích cá nhân.

2. Đối với việc quản lý nhà ở, nhân viên sản xuất công lập chuyển tài sản chính sản xuất tài sản nhà ở vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết, cho thuê thì xử phạt theo quy định tại điều 11 Nghị định số

66/2012/N -CP và khoản 1 điều này; không xử phạt theo quy định tại điều 16 Nghị quyết 66/2012/N -CP và điều 14 Thông tư này.

Điều 9. Về nội dung nghiên cứu công lập tài chính các giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết, cho thuê không đúng quy định thì bị xử phạt theo quy định tại điều 16 Nghị quyết 66/2012/N -CP và điều 14 Thông tư này.

Điều 10. Xử phạt hành vi cho mượn tài sản nhà nước không đúng quy định

Việc xử phạt hành vi cho mượn tài sản nhà nước không đúng quy định được ghi nhận theo quy định tại điều 12 Nghị quyết 66/2012/N -CP.

Hành vi cho mượn tài sản nhà nước không đúng quy định là hành vi cho thuê, cá nhân khác sử dụng tài sản nhà nước không đúng quy định của pháp luật, không phân biệt có hợp đồng cho mượn hay không có hợp đồng cho mượn, không phân biệt thời hạn cho mượn.

Điều 11. Xử phạt hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản nhà nước không đúng quy định

Việc xử phạt hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản nhà nước không đúng quy định được ghi nhận theo quy định tại điều 13 Nghị quyết 66/2012/N -CP. Nội dung quy định chi tiết như sau:

1. Hành vi biếu, tặng cho tài sản nhà nước không đúng quy định là hành vi sử dụng tài sản nhà nước làm quà tặng vì phạm Quy chế tặng quà do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Hành vi trao đổi tài sản nhà nước quy định tại điều 13 Nghị quyết 66/2012/N -CP là: Hành vi dùng tài sản nhà nước để đổi lấy tài sản khác, cá nhân khác mà không được có thẩm quyền cho phép.

Điều 12. Xử phạt hành vi lấn chiếm trộm cắp làm việc, công sở hoặc nghiên cứu

Hành vi lấn chiếm trộm cắp làm việc, công sở hoặc nghiên cứu quy định tại điều 14 Nghị quyết 66/2012/N -CP bao gồm:

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định liên kết chuyển đổi chức năng địa điểm làm việc, công sở hoặc nghiên cứu xây dựng công trình lấn chiếm sang

không gian ph n di n tích t thu c khuôn viên tr s làm vi c, c s ho t ng s nghi p c a c quan, t ch c, n v .

2. T ch c, cá nhân t ý s d ng nhà, t thu c tr s làm vi c, c s ho t ng s nghi p c a c quan, t ch c, n v .

Đ i u 13. X ph t hành vi chi m o t trái phép tài s n nhà n c

Vi c x ph t hành vi chi m o t trái phép tài s n nhà n c c th c hi n theo quy nh t i i u 15 Ngh nh s 66/2012/N -CP.

Hành vi chi m o t trái phép tài s n nhà n c là vi c n m gi , s d ng tài s n nhà n c mà không c c quan nhà n c có th m quy n cho phép nh ng ch a n m c truy c u trách nhi m hình s theo quy nh c a B Lu t t t ng hình s .

Đ i u 14. X ph t hành vi s d ng tài s n nhà n c vào m c ích s n xu t, kinh doanh d ch v , cho thuê, liên doanh, liên k t không úng quy nh

Vi c x ph t hành vi s d ng tài s n nhà n c vào m c ích s n xu t, kinh doanh d ch v , cho thuê, liên doanh, liên k t không úng quy nh c th c hi n theo quy nh t i i u 16 Ngh nh s 66/2012/N -CP. M t s n i dung c quy nh c th nh sau:

1. Hành vi s d ng tài s n nhà n c vào m c ích s n xu t, kinh doanh d ch v , cho thuê, liên doanh, liên k t khi ch a có quy t nh c a c p có th m quy n quy nh t i kho n 1 i u 16 Ngh nh s 66/2012/N -CP là: Hành vi s d ng tài s n nhà n c vào m c ích s n xu t, kinh doanh d ch v , cho thuê, liên doanh, liên k t mà t i th i i m th c hi n hành vi không có quy t nh c a c p có th m quy n.

Th m quy n quy t nh s d ng tài s n nhà n c vào m c ích s n xu t, kinh doanh d ch v , cho thuê, liên doanh, liên k t th c hi n theo quy nh c a Lu t Qu n lý, s d ng tài s n nhà n c và các v n b n quy nh chi ti t, h ng d n thi hành.

2. Hành vi s d ng tài s n nhà n c vào m c ích s n xu t, kinh doanh d ch v , cho thuê, liên doanh, liên k t làm nh h ng n vi c th c hi n ch c n ng, nhi m v c giao c a n v quy nh t i kho n 2 i u 16 Ngh nh s 66/2012/N -CP là: Vi c s d ng tài s n nhà n c vào m c ích s n xu t, kinh doanh d ch v , cho thuê, liên doanh, liên k t làm cho t ch c không hoàn thành k ho ch, nhi m v do Nhà n c giao ho c Nhà n c t hàng.

3. Hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị của tài sản khi sử dụng vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Hành vi vi phạm quy định về thành lập và hoạt động của Hội đồng giá, Hội đồng thẩm định giá tài sản sử dụng vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết;

b) Hành vi vi phạm quy định về lựa chọn thẩm định giá xác định giá trị của tài sản sử dụng vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 15. Xếp loại hành vi không thực hiện báo động, sạch a tài sản theo quy định

Việc xếp loại hành vi không thực hiện báo động, sạch a tài sản theo quy định thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP.

Hành vi không thực hiện báo động, sạch a tài sản là: Việc không thực hiện báo động, sạch a tài sản nhà ở theo chức năng, tiêu chuẩn, nhu cầu kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà ở có thẩm quyền ban hành và duyệt toán giao cắt thực.

Điều 16. Xếp loại hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản nhà ở

Việc xếp loại hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản nhà ở thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Nội dung quy định như sau:

1. Hành vi thi u trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản nhà ở hộ hộ, thất thoát tài sản quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi thi u trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản nhà ở dẫn đến mất mát tài sản; mất mát, biến đổi hoặc làm biến dạng linh kiện, phụ tùng của tài sản hoặc làm tài sản biến hình.

2. Hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản ngh x lý quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản ngh x lý dẫn đến việc quy định xử lý tài sản không đúng quy định.

Điều 17. Xếp loại hành vi vi phạm quy định về thực xử lý tài sản nhà ở

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản nhà nước theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Mục tiêu nội dung quy định như sau:

1. Hành vi quá thời hạn quy định mà vẫn chưa triển khai thực hiện phê phán xử lý, đã cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định thẩm định khoản 1 Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP xác định theo thời hạn xử lý quy định tại quy định xử lý tài sản. Trường hợp quy định xử lý tài sản không quy định thời hạn chốt, thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt phê phán xử lý giá trị tài sản, thì thời hạn quy định xác định theo thời hạn sau khi đã chốt giá trị.

2. Hành vi vi phạm các quy định về thành lập Hội đồng giá, Hội đồng thẩm định giá, Hội đồng bán đấu giá tài sản, Hội đồng tiêu hủy tài sản quy định tại Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Không thành lập Hội đồng giá, Hội đồng thẩm định giá, Hội đồng bán đấu giá tài sản, Hội đồng tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Có thành lập Hội đồng quy định tại Điều 19 Nghị định này nhưng không thành phần theo quy định;

c) Không tuân thủ đúng các nguyên tắc hoạt động của Hội đồng.

3. Hành vi vi phạm quy định về lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp xử lý tài sản theo quy định của cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 2 Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Hành vi không thông báo công khai việc thuê tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp xử lý tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Hành vi không thực hiện lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp xử lý tài sản nhà nước vì lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật phù hợp thực hiện ưu tiên.

4. Hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thông báo công khai bán đấu giá tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại Điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Không thực hiện niêm yết về việc bán đấu giá tài sản nhà nước tại nơi công cộng quy định;

b) Không thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc bán đấu giá tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

c) Nội dung niêm yết, thông báo công khai không đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

5. Hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị của tài sản, tổ chức bán đấu giá tài sản khi xử lý tài sản quy định tại khoản 3 điều 19 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Hành vi không thể hiện thẩm định giá làm căn cứ xác định giá khi niêm yết xử lý tài sản là trực tiếp làm việc, tài sản khác gần liền kề theo hình thức bán;

b) Hành vi không thể hiện bán đấu giá tài sản về hình thức theo quy định của pháp luật về hình thức bán đấu giá.

Điều 18. Xếp loại hành vi vi phạm về công khai và sử dụng số liệu tài sản nhà nước

1. Hành vi cố ý kê khai, nhập, duy trì dữ liệu tài sản nhà nước không đúng quy định, làm sai lệch số liệu tài sản nhà nước quy định tại khoản 1 điều 20 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Lập Báo cáo kê khai về tài sản nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước không đúng hình thức, ghi y tế pháp lý, không phù hợp với hình thức của tài sản hiện có tồn tại; không đúng theo quy định;

b) Cố ý tẩy xóa, sửa chữa báo cáo kê khai tài sản làm sai lệch số liệu về tài sản nhà nước so với hình thức của tài sản;

c) Nhập, duy trì dữ liệu về tài sản nhà nước không đúng so với báo cáo kê khai của tổ chức giao quản lý, sử dụng tài sản;

d) Thể hiện phân cấp nhập dữ liệu cho nhân viên cấp dưới khi chưa có sự đồng ý của Ban Tài chính;

e) Truy cập, xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, phá hoại, làm thay đổi số liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, cấu trúc chương trình phần mềm.

2. Hành vi sử dụng số liệu về tài sản nhà ở trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà ở vào mục đích cá nhân mà không được các quan có thẩm quyền quy định cho phép quy định tại khoản 2 điều 20 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

a) Khai thác thông tin tài sản nhà ở trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà ở của các cơ quan, tổ chức, nhân viên không thuộc phạm vi quy định;

b) Sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu vào các mục đích khác ngoài các mục đích được quy định tại Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cơ chế quản lý, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà ở mà không được các quan có thẩm quyền quy định cho phép.

3. Các quan có thẩm quyền quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà ở quy định như sau:

a) Cục Quản lý Công sản - Bộ Tài chính về Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà ở của các nhân;

b) Các quan tài chính của Bộ, các quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà ở của Bộ, các quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Trưởng các quan, tổ chức, nhân viên về Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà ở của các quan, tổ chức, nhân viên.

Chương III

X PH T VI PH M HÀNH CHÍNH TRONG QU N LÝ, S D NG TÀI SẢN Ở CÁC Đ ÁN S D NG V N NHÀ Ở

Điều 19. Phạm vi tài sản ở của các dự án sử dụng vốn nhà ở

Tài sản ở của các dự án sử dụng vốn nhà ở được quy định tại các điều 22, 23 và 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP bao gồm:

1. Tr s làm việc và các tài sản khác gắn liền với: phòng tín dụng; máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác phục vụ công tác quản lý của các Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà ở.

2. Tài sản phục vụ hoạt động của các chuyên gia nước ngoài, các nhà thầu nước ngoài, giám sát, thi công thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA và nguồn

vi n tr phi chính ph n c ngoài khi đ án k t thúc chuy n giao cho phía Vi t Nam.

3. Tài s n thuê ngoài ph c v công tác qu n lý c a Ban Qu n lý đ án s d ng v n nhà n c.

4. V t t thu h i t vi c tháo đ các công trình k t c u h t ng ph c v l i ích công c ng, l i ích qu c gia c khi xây đ ng công trình k t c u h t ng m i.

i u 20. X ph t hành vi vi ph m quy nh v trang c p tài s n c a các đ án s d ng v n nhà n c

Vi c x ph t hành vi vi ph m quy nh v trang c p tài s n c a các đ án s d ng v n nhà n c c th c hi n theo quy nh t i i u 22 Ngh nh s 66/2012/N -CP. M t s n i dung c quy nh c th nh sau:

1. Hành vi th c hi n mua s m tài s n khi ch a có quy t nh c a c p có th m quy n quy nh t i kho n 1 i u 22 Ngh nh s 66/2012/N -CP là: Hành vi mua s m tài s n mà khi th c hi n mua s m không có quy t nh c a c p có th m quy n theo quy nh c a pháp lu t v qu n lý, s d ng tài s n c a các đ án s d ng v n nhà n c.

2. Hành vi không th c hi n mua s m t p trung i v i các lo i tài s n thu c danh m c mua s m t p trung quy nh t i kho n 3 i u 22 Ngh nh s 66/2012/N -CP c h ng đ n c th theo quy nh t i kho n 2 i u 6 Thông t này.

3. Hành vi mua s m tài s n v t tiêu chu n, nh m c do c quan nhà n c có th m quy n quy nh t i kho n 4 i u 22 Ngh nh s 66/2012/N -CP c h ng đ n c th theo quy nh t i kho n 3 i u 6 Thông t này.

Vi c xác nh giá tr tài s n v t so v i tiêu chu n, nh m c th c hi n theo quy nh t i kho n 4 i u 6 Thông t này.

4. Hành vi vi ph m quy nh v thuê tài s n ph c v công tác qu n lý c a các đ án s d ng v n nhà n c quy nh t i kho n 5 i u 22 Ngh nh s 66/2012/N -CP c h ng đ n c th theo quy nh t i i u 7 Thông t này.

i u 21. X ph t hành vi vi ph m quy nh v s d ng tài s n c a các đ án s d ng v n nhà n c

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về sử dụng tài sản của các doanh nghiệp nhà nước có thể hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung quy định như sau:

1. Hành vi bất trí, sử dụng tài sản của các doanh nghiệp nhà nước vượt tiêu chuẩn, phạm vi quy định khoản 1 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có hiệu lực theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Việc xác định giá trị vượt so với tiêu chuẩn, phạm vi có thể hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

2. Hành vi bất trí, sử dụng tài sản của các doanh nghiệp nhà nước không đúng mục đích quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có hiệu lực theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Hành vi cho mượn tài sản của các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có hiệu lực theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

4. Hành vi bán, tặng cho, trao đổi tài sản của các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có hiệu lực theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

5. Hành vi làm nhiệm vụ làm việc của Ban Quản lý các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có hiệu lực theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

6. Hành vi sử dụng tài sản của các doanh nghiệp nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có hiệu lực theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Điều 22. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản của các doanh nghiệp nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản của các doanh nghiệp nhà nước có thể hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Một số nội dung quy định như sau:

1. Hành vi không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập quy định của Nhà nước về việc các tài sản do chuyên gia ODA, nhà thầu tư vấn giám sát chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi quá thời hạn theo quy định

mà không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xác lập quy ns h uc a Nhà nước iv i tài sn ó.

2. Hành vi thi u trách nhi m trong vi c b o qu n tài s n gây h h ng, th t thoát tài s n quy nh t i i m a kho n 2 i u 24 Ngh nh s 66/2012/N -CP là: Hành vi thi u trách nhi m trong vi c b o qu n tài s n đ n n m t mát tài s n, linh ki n, ph từng c a tài s n ho c làm tài s n b h h ng.

3. Hành vi x lý tài s n khi ch a có quy t nh c a c p có th m quy n quy nh t i kho n 3 i u 24 Ngh nh s 66/2012/N -CP là: Hành vi t ch c x lý tài s n mà khi x lý không có quy t nh c a c p có th m quy n theo quy nh c a pháp lu t v qu n lý, x lý tài s n c a các đ án s đ ng v n nhà n c.

4. Hành vi kê khai không úng danh m c, hi n tr ng tài s n ngh x lý quy nh t i kho n 4 i u 24 Ngh nh s 66/2012/N -CP c h ng đ n c th theo quy nh t i kho n 2 i u 16 Thông t này.

5. Hành vi vi ph m quy nh v t ch c x lý tài s n c a đ án s đ ng v n nhà n c quy nh t i kho n 5 i u 24 Ngh nh s 66/2012/N -CP c h ng đ n c th theo quy nh t i i u 17 Thông t này.

Ch ng IV

X PH T VI PH M HÀNH CHÍNH TRONG QU N LÝ, X LÝ TÀI S N C XÁC L P QUY NS H UC A NHÀ N C

i u 23. Ph m vi tài s n c xác l p quy ns h uc a Nhà n c

Tài s n c xác l p quy ns h uc a Nhà n c c quy nh t i i u 25 và i u 26 Ngh nh s 66/2012/N -CP bao g m:

1. Tài s n b t ch thu sung qu nhà n c theo quy nh c a pháp lu t v x lý vi ph m hành chính, pháp lu t v hình s và t t ng hình s ;

2. Tài s n b chôn d u, chìm m c tìm th y; tài s n b ánh r i, b quên, tài s n không xác nh c ch s h u và các tài s n khác theo quy nh c a pháp lu t là tài s n nhà n c;

3. Tài s n do t ch c, cá nhân trong và ngoài n c bi u, t ng cho, óng góp và các hình th c chuy n giao quy ns h u tài s n khác cho Nhà n c, tài s n vi n tr c a Chính ph , t ch c phi Chính ph n c ngoài và các t ch c qu c t khác.

i u 24. X ph t hành vi vi ph m quy nh v x lý tài s n c xác l p quy ns h uc a Nhà n c

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản xác lập quy định của Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Mục tiêu nội dung quy định như sau:

1. Hành vi vi phạm quy định về thi hành lập phương án xử lý tài sản theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP là: Hành vi quá thời hạn theo quy định mà cơ quan, tổ chức, đơn vị có giao nhiệm vụ lập phương án xử lý tài sản không lập phương án xử lý báo cáo có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản xác lập quy định của Nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có hiệu lực theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

Chương V **T CH C TH CHI N**

Điều 25. Hi u l c thi hành

Thông tư này có hi u l c thi hành kể từ ngày 22 tháng 03 năm 2013.

Điều 26. Trách nhi m thi hành

1. Cơ quan công an có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 27 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có trách nhiệm thực hiện quy định và nghĩa vụ trong việc phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại Nghị định số 66/2012/NĐ-CP và hiệu lực tại Thông tư này.

2. Các cơ quan chức năng của nhà nước, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi vi phạm có trách nhiệm chuyển hồ sơ thông báo tức quan có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định số 66/2012/NĐ-CP xem xét, xử lý theo quy định.

3. Ngân hàng, cơ quan công an có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 27 Nghị định số 66/2012/NĐ-CP có trách nhiệm báo cáo Bộ, ngành chủ quản (ví dụ: quan thuế trung ương), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ví dụ: cơ quan thuế địa phương) về tình hình và kết quả xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Ngân hàng, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, gửi Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, báo cáo Quốc hội theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Trong quá trình thực hiện nêu phát sinh vướng mắc, kính các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.

N i nh n:

- Ban Bí thư Trung ương;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Thủ tướng và các Ban chấp hành;
- Văn phòng Thủ tướng Bộ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng Ban chấp hành Trung ương và PCTN;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Các Kiểm tra viên biênQPPL - Bộ Tài pháp;
- Công báo;
- Công ty Tài chính Chính phủ,
- Công ty Tài chính Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT.B TR NG
TH TR NG**

Nguyễn Hữu Chí